

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 13-02-2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở chính: đường TQK, phường LTT, quận HK, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Ds - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang D: Ông Phan Võ Phước K - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền số: 587/UQ-VCB-PC ngày 15/10/2021).

Ông Phan Võ Phước K ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Kim K - Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Khách hàng - Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền số: 68/UQ-VLO-HCNS ngày 16/11/2022); địa chỉ trụ sở chi nhánh: đường HĐV, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Trần Châu H; vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: XC, Phường H, thành phố V,

tỉnh Vĩnh Long; cùng nơi ở hiện nay: khóm TVT, phường TN, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, 25/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N có bà Nguyễn Thị Kim K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/4/2014, ông Trần Châu H có đơn đề nghị Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho ông H 01 thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa Classic với hạn mức sử dụng là 5.000.000 đồng để phục vụ cho tiêu dùng. Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị, cấp cho ông H 01 thẻ số 4129 7579 0011 1009, số tài khoản thẻ V7900110. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm kể từ ngày phát hành thẻ, tài sản thế chấp: Không, lãi suất: Trước ngày 03/4/2017 là 17%/năm và từ ngày 03/4/2017 là 18%/năm.

Sau khi cấp thẻ ông H đã thực hiện việc giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt và quẹt thẻ từ ngày 20/6/2014 đến ngày 20/10/2016 là 16.404.910 đồng. Trong quá trình sử dụng số thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ thì ông H đã thanh toán được 15.230.920 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2014 đến ngày 20/01/2017; đến ngày 21/01/2017 thì ông H đã ngưng không thanh toán khoản tiền vay, lãi và Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính lãi quá hạn từ ngày 05/02/2017.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và gửi thông báo nợ quá hạn cho ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/4/2014. Theo biên bản làm việc ngày 17/10/2017 ông H có cam kết hàng tháng trả 500.000 đồng tiền nợ thẻ tín dụng, bắt đầu từ ngày 20/11/2017. Tuy nhiên, tính đến nay ông H không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, không phối hợp làm việc, không cung cấp thông tin khi được yêu cầu. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ tín dụng nêu trên của ông H từ ngày 20/01/2017.

Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Châu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 13/02/2023 là 66.807.542 đồng (trong đó: Nợ gốc 3.756.699 đồng, nợ lãi 4.163.117 đồng, phí vượt hạn mức 14.651.537 đồng và phí phạt chậm thanh toán 44.236.189 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh cho đến khi ông Trần Châu H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ thẻ tín dụng nêu trên.

Bị đơn ông Trần Châu H và bà Đặng Thị H: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông H và bà H đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những

người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Trần Châu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi, phí là 66.807.542 đồng và tiền lãi cùng phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 13/02/2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Đặng Thị H liên đới cùng ông Trần Châu H trả nợ. Về án phí: Buộc ông Trần Châu H phải chịu 3.340.377 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Trần Châu H và Đặng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu, xin rút lại yêu cầu là không yêu cầu bà Đặng Thị H liên đới cùng ông Trần Châu H trả nợ. Xét thấy, việc rút yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 28/4/2014, ông Trần Châu H có đơn đề nghị Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho ông H 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 5.000.000 đồng. Ngân hàng phê duyệt chấp thuận theo đề nghị, cấp cho ông H 01 thẻ số 4129 7579 0011 1009. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và ông H là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay

được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh ông H có giao dịch bằng hình thức rút tiền mặt và quẹt thẻ từ ngày 20/6/2014 đến ngày 20/10/2016. Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 28/4/2014 giữa Ngân hàng và ông H là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Ngân hàng đã cung cấp Bảng sao kê đầy đủ khoản tiền ông H được cấp thẻ. Thời gian chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/01/2017 nhưng ông H đã không thực hiện đúng thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán tiền. Theo thỏa thuận ông Huỳnh với Ngân hàng tại các điểm o, p, q khoản 2.2 Điều 2, khoản 4.1 Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 11 của Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/4/2014 về quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ thì: *“Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các giao dịch chi tiêu, phí và lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng về việc sử dụng thẻ; hàng tháng chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các khoản phải trả trong kỳ; chủ thẻ có trách nhiệm liên hệ với ngân hàng để thanh toán phần nợ còn lại và phải chịu các phí, lãi phát sinh nếu có”*.

Theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì lãi suất, phí cấp tín dụng do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận. Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán nợ gốc, lãi và phí là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, buộc ông Trần Châu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 13/02/2023 là 66.807.542 đồng (trong đó: Nợ gốc 3.756.699 đồng, nợ lãi 4.163.117 đồng, phí vượt hạn mức 14.651.537 đồng và phí phạt chậm thanh toán 44.236.189 đồng).

[3] Bị đơn Trần Châu H không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Trần Châu H chịu tiền án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 66.807.542 đồng x 5% = 3.340.377 đồng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc xin rút lại yêu cầu là không yêu cầu bà Đặng Thị H liên đới cùng ông Trần Châu H trả nợ.

Buộc ông Trần Châu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 13/02/2023 là 66.807.542 đồng (trong đó: Nợ gốc 3.756.699 đồng, nợ lãi 4.163.117 đồng, phí vượt hạn mức 14.651.537 đồng và phí phạt chậm thanh toán 44.236.189 đồng).

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Châu H phải chịu 3.340.377đ (ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N 1.133.000đ (một triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001603 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan